

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HSST

Ngày: 30/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Đặng Văn T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Xuân Phương**

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Tán Nghị**

+ Ông **Nguyễn Văn Gạt**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Vỹ** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Đặng Văn T phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/HSST ngày 27/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST - HS ngày 16/8/2018 đối với bị cáo:

1. Đặng Văn T, sinh ngày 22/11/1988 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trần Thanh Q tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T (sinh năm 1962), và bà Lê Thị L, (sinh năm 1963); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 04 anh chị em; Bị cáo có vợ là Đặng Thị H, sinh năm 1989 và 01 con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm T, sinh ngày 29/4/1984 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trần Thanh Q tịch: Việt Nam; con ông Phạm X (sinh năm 1955), và bà Hồ Thị A, (sinh năm 1956); Bị cáo chưa có vợ con; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh chị em; Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thanh Q, sinh ngày 27/8/1977 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trần Thanh Q tịch: Việt Nam; con ông Trần O (chết) và bà Võ Thị P, (sinh năm 1954); Bị cáo là con thứ ba

trong gia đình có 05 anh chị em; Bị cáo có vợ là Phạm Thị S, sinh năm 1982 và 04 (con nhỏ nhất sinh năm 2015, con lớn nhất sinh năm 2001). Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm T:** Luật sư Ông Trần Thanh Q C - Công ty Luật TNHH MTV H - thuộc đoàn Luật sư Đặng Văn T phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: 97 đường Đ, phường T, quận S, Đặng Văn T phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Ông **Phan Văn P**, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Thôn T,xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Ông **Trương Quang C**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Thôn T,xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Triệu V**, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn T,xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Anh **Bùi Tiến C**, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Thôn Q, xã L, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. **Công ty Cổ phần thép D**; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút trong tháng 01/2018 (không xác định được ngày), sau khi đi phụ hồ tại khi Công nghệ cao thành phố Đà Nẵng thì Đặng Văn T mượn xe mô tô kiểu dáng Wave (không rõ biển số) của công nhân làm ở khu công nghệ cao (thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, Đặng Văn T phố Đà Nẵng). Trên đường điều khiển xe đến khu vực dốc Gò Đình nằm trong khu công nghệ cao Đà Nẵng thì gặp Phạm T nên đứng dừng lại nói chuyện. Trong lúc nói chuyện thì thấy có nhiều máy trộn bê tông đã qua sử dụng để ở đây lâu ngày nhưng không có người Phạm T giữ nên cả hai rủ nhau trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến 19 giờ cùng ngày, cả hai đi đến nhà ông Phan Văn P mượn xe bò kéo để chở trộm máy bê tông về bán. Ban đầu, Phạm T và Đặng Văn T chở trộm 01 máy trộn bê tông màu xanh (không xác định được chủ sở hữu) đến nhà anh Nguyễn Triệu V (là người thu mua phế liệu) để bán nhưng anh Vỹ không có nhà nên để máy trộn màu xanh lại đây. Sau khi trộm máy trộn bê tông màu xanh thì do Đặng Văn T bị đau lưng nên rủ thêm Trần Thanh Q để cùng tham gia trộm cắp máy trộn bê tông thì Trần Thanh Q đồng ý. Cả ba người kéo xe bò đến khu Công nghệ cao trộm máy trộn bê tông màu vàng nhạt rồi chở về bán cho anh Nguyễn Triệu V thì ông Phan Văn P nhận ra máy trộn bê tông

màu vàng là của mình để ngoài công trình khu Công nghệ cao Đặng Văn T phố Đà Nẵng chưa kịp đem về nên yêu cầu trả lại cho ông Phan Văn P. Sau khi nhận lại máy trộn bê tông màu vàng thì ông Phan Văn P đã cho lại các đối tượng 100.000 đồng. Cả ba tiếp tục kéo xe bò đến công trình khu Công nghệ cao trộm 01 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ của anh Trương Quang C rồi chở bán cho anh Nguyễn Triệu V nhưng do Nguyễn Triệu V không có nhà nên ngày hôm sau, Đặng Văn T và Phạm T quay lại nhờ 01 người (không rõ họ tên và địa chỉ cư trú) phụ khiêng cân 02 chiếc máy trộn bê tông, cân được 330kg, Nguyễn Triệu V mua hai máy trộn bê tông này với giá 1.800.000 đồng. Số tiền này cả ba chia nhau tiêu xài hết. Sau khi mua xong thì Nguyễn Triệu V có bán lại hai máy trộn bê tông này cho anh Bùi Tiến C, anh Bùi Tiến C bán lại cho Công ty Cổ phần thép D và Công ty này đã nung chảy nên không thu hồi tài sản trộm cắp để trả lại cho người bị hại được.

** Tang vật tạm giữ:*

- 01 máy trộn bê tông màu vàng nhặt đã qua sử dụng, nặng 130kg.
- 01 xe bò kéo khung bằng kim loại màu trắng dài 3m, rộng 1,4m.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 29/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Vang xác định: 01 máy trộn bê tông màu xanh đã qua sử dụng nặng 150kg có giá là 1.155.000 đồng; 01 máy trộn bê tông màu vàng nhặt đã qua sử dụng nặng 130kg có giá trị là 1.001.000 đồng; 01 máy trộn bê tông màu đỏ đã qua sử dụng nặng 160kg có giá trị là 1.232.000 đồng.

** Về xử lý tang vật:*

- Sau khi tạm giữ phục vụ cho quá trình điều tra giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòa Vang đã trả 01 máy trộn bê tông màu vàng nhặt và 01 xe bò kéo khung bằng kim loại màu trắng dài 3m, rộng 1,4m cho ông Phan Văn P.

- Đối với 01 máy trộn bê tông màu xanh do Đặng Văn T và Phạm T khai nhận đã trộm cắp nhưng chưa xác minh được người bị hại, không thu hồi được tài sản nên không có cơ sở xử lý đối với Đặng Văn T và Phạm T, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

** Về phần dân sự:*

- Đối với chiếc máy trộn bê tông màu đỏ mà các bị cáo đã trộm của ông Trương Quang C nhưng không thu hồi được tài sản: Các bị cáo đã mua lại 01 chiếc máy trộn bê tông khác trả lại cho ông Trương Quang C.

- Ông Phan Văn P đã nhận lại 01 máy trộn bê tông màu vàng và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSNDHV ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Đặng Văn T, Phạm T, Trần Thanh Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và điểm b, i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 và Điều 17 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và điểm b, i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 và Điều 17 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh Q từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình và điểm b, i, s, h, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 và Điều 17 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Trương Quang C nhận lại 01 máy trộn bê tông mới và không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

- Ông Phan Văn P đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

- Đối với việc các bị cáo hưởng lợi 1.800.000 đồng từ việc bán tài sản trộm cắp nhưng sau đó các bị cáo đã mua lại máy mới bồi thường cho ông Trương Quang C; việc ông Phan Văn P cho các bị cáo 100.000 đồng vì đã nhận lại được tài sản và ông Phan Văn P không yêu cầu gì nên không truy thu số tiền 1.800.000 đồng và 100.000 đồng đối với các bị cáo.

Về tang vật: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Hòa Vang đã trả lại 01 máy trộn bê tông màu vang và 01 xe bò kéo khung bằng kim loại màu trắng dài 3m, rộng 1,4m cho ông Phan Văn P là đúng nên Viện kiểm sát không đề cập đến. Đối với 01 máy trộn bê tông màu xanh do Đặng Văn T và Phạm T khai nhận đã trộm cắp nhưng chưa xác minh được người bị hại, không thu hồi được tài sản nên không có cơ sở xử lý đối với Đặng Văn T và Phạm T, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Nguyễn Triệu V là người mua 02 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ và màu xanh do các bị cáo trộm cắp được đem đến bán nhưng anh Nguyễn Triệu V không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Bùi Tiến C là người mua 02 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ và màu xanh do Nguyễn Triệu V bán nhưng anh Bùi Tiến C không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Phan Văn P là người cho Đặng Văn T và Phạm T mượn xe bò kéo nhưng ông Phan Văn P không biết các bị cáo dùng xe bò kéo để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với công nhân trong khu Công nghệ cao (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đã cho Đặng Văn T mượn xe mô tô nhãn hiệu Wave (không rõ biển số) để đi lại trong khu Công nghệ cao nhưng Đặng Văn T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản: Cơ quan điều tra không đủ cơ sở truy tìm và xử lý là phù hợp.

Đối với người đàn ông phụ giúp Đặng Văn T khiêng cân 02 máy trộn bê tông nêu trên để bán cho Nguyễn Triệu V: Do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở làm việc và xử lý là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm T là luật sư Ông Trần Thanh Q C thống nhất về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình và điểm b, i, s, h, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54, 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm T mức án thấp nhất và cho hưởng án treo như Viện kiểm sát đã đề nghị.

Ông Phạm X - người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm T và bị cáo Phạm T đều thống nhất với ý kiến của luật sư, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 19 giờ 00 phút (không xác định ngày) trong tháng 01 năm 2018, Đặng Văn T, Trần Thanh Q, Phạm T đã có hành vi lén lút trộm cắp liên tiếp 02 máy trộn bê tông của ông Phan Văn P và ông Trương Văn Trương Quang C có trị giá là 2.233.000 đồng để tại khu Công nghệ cao thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để bán lấy tiền tiêu xài.

Đặng Văn T là người đã khởi xướng, rủ rê Phạm T và sau đó do việc vận chuyển khó khăn nên rủ thêm Trần Thanh Q đi trộm cắp tài sản với bị cáo.

Phạm T và Trần Thanh Q biết Đặng Văn T rủ mình đi trộm cắp tài sản nhưng vẫn tích cực tham gia cùng nhau lấy 02 máy trộn bê tông màu vàng và màu đỏ rồi đem bán và chia nhau tiêu xài vì cho rằng tài sản này đã bị bỏ, không sử dụng được và không có ai Phạm T coi nên lấy về để bán phế liệu.

Khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự thống nhất ý chí, làm đến đâu nghĩ tới đó nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, phạm vào tội “Trộm cắp

tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý đối với các bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đặng Văn T khẳng định báo cáo toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thật sự ăn năn hối cải về hành vi sai trái của bản thân; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tài sản trộm cắp đã bị thu hồi và trả lại cho người bị hại; đối với tài sản không thù hồi được thì các bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả mau chóng trả lại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Riêng bị cáo Đặng Văn T có ông nội là liệt sĩ; bị cáo Phạm T khi phạm tội bị mắc bệnh hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s, h, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đặng Văn T và Trần Thanh Q đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, h khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù là không cần thiết nên Tòa án áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Đặng Văn T và Trần Thanh Q hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các điều kiện hướng dẫn về áp dụng án treo của Nghị quyết 02/2018/HĐTP-TATC ngày 15/5/2018 và cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở Đặng Văn T công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của Đảng, Nhà nước đối với người phạm tội.

Bị cáo Phạm T bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, h, q khoản 1 Điều 51 và việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là không cần thiết nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở Đặng Văn T công dân tốt và thể hiện sự khoan hồng của Đảng, Nhà nước và cho bị cáo được miễn khẩu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước nhưng phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

[3] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

3.1. Về trách nhiệm dân sự, vật chứng:

- Ông Trương Quang C bị mất máy trộn bê tông màu đỏ nhưng đã nhận lại 01 máy trộn bê tông mới và không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

- Ông Phan Văn P đã nhận lại 01 máy trộn bê tông màu vàng bị mất và không có yêu cầu gì nên không đề cập đến.

- Đối với việc các bị cáo hưởng lợi 1.800.000 đồng từ việc bán tài sản trộm cắp nhưng sau đó các bị cáo đã mua lại máy mới bồi thường cho ông Trương Quang C; việc ông Phan Văn P cho các bị cáo 100.000 đồng vì đã nhận lại được tài sản và ông

Phan Văn P không yêu cầu gì nên không truy thu số tiền 1.800.000 đồng và 100.000 đồng đối với các bị cáo.

- Đối với 01 máy trộn bê tông màu xanh do Đặng Văn T và Phạm T khai nhận đã trộm cắp nhưng chưa xác minh được người bị hại, không thu hồi được tài sản nên không có cơ sở xử lý đối với Đặng Văn T và Phạm T, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

3.2. Về các vấn đề khác:

- Nguyễn Triệu V là người mua 02 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ và màu xanh do các bị cáo trộm cắp được đem đến bán nhưng anh Nguyễn Triệu V không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Bùi Tiến C là người mua 02 chiếc máy trộn bê tông màu đỏ và màu xanh do Nguyễn Triệu Nguyễn Triệu V bán nhưng anh Bùi Tiến C không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

- Phan Văn P là người cho Đặng Văn T và Phạm T mượn xe bò kéo nhưng ông Phan Văn P không biết các bị cáo dùng xe bò kéo để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định pháp luật.

- Đối với công nhân trong khu Công nghệ cao (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đã cho Đặng Văn T mượn xe mô tô nhãn hiệu Wave (không rõ biển số) để đi lại trong khu Công nghệ cao nhưng Đặng Văn T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản: Cơ quan điều tra không đủ cơ sở truy tìm và xử lý là đúng quy định pháp luật.

- Đối với người đàn ông phụ giúp Đặng Văn T khiêng cân 02 máy trộn bê tông nêu trên để bán cho Nguyễn Triệu V: Do không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở làm việc và xử lý là đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định cáo trạng số 41/CT-VKSNDHV ngày 26/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Việc đại diện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị áp dụng hình phạt đối với các bị cáo và hướng xử lý tang vật như trên là đúng quy định pháp luật.

[5] Đối với việc phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn T, Trần Thanh Q, Phạm T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

1. **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và điểm b, i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 và Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 30/8/2018. Giao bị cáo Đặng Văn T về cho UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Đặng Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và điểm b, i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 và Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thanh Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 30/8/2018. Giao bị cáo Trần Thanh Q về cho UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Trần Thanh Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và điểm b, i, s, h, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, 17, 36 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Phạm T về cho UBND xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với trường học mà bị cáo đang theo học, phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Do bị cáo là người mắc bệnh hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có việc làm ổn định nên được miễn khấu trừ thu nhập để sung quỹ Nhà nước nhưng phải thực hiện những nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm T là ông Phạm X, người bào chữa cho bị cáo Phạm T có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 30/8/2018. Riêng người bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm T là bà Hồ Thị A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THA DS huyện Hòa Vang;
- VKSND H.Hòa Vang; VKS TP;
- Công an huyện Hòa Vang;
- Đường sự;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG